

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17-9-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung giữa chị Nga và anh Thành

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà

Bà Nguyễn Thị Yên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 105/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thúy N, sinh năm 1993; Địa chỉ HKTT: Tổ C, N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ở hiện nay: C, Tòa S208, O, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội;

- **Bị đơn:** Anh Đinh Quang T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Xóm A Đ, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định;

- **Người làm chứng:** Bà Vũ Thị N1, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm A Đ, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định;

(Chị N xin vắng mặt có lý do; anh T, bà N1 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17-6-2024, Bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thúy N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Quang T, sinh năm 1987 đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 26-5-2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại xóm A Đ, xã T, huyện N thời gian được khoảng một năm. Sau đó vợ chồng ra Quảng Ninh ở nhà bố mẹ đẻ chị để làm ăn. Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa thuận hạnh phúc do tính tình không hợp và thường bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con. Ngoài ra anh T còn có tình cảm với người khác nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Anh T đã về quê Đ, xã T, huyện N. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2017. Từ đó vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm gì đến nhau. Nay chị N xác định không còn tình cảm với anh T nên chị làm đơn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đinh Quang T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đinh Bảo A, sinh ngày 10/9/2015. Hiện nay con chung đang ở cùng ông bà nội (bố mẹ đẻ anh T). Khi ly hôn chị N đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị N đang công tác tại cơ sở Lớp mẫu giáo độc lập Mặt trời Xanh, địa chỉ 122 tổ E khu N, C, C, Quảng Ninh có mức thu nhập hàng tháng là 8.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị N xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Đinh Quang T nhận các tài liệu gồm: Thông báo thụ lý vụ án số 105/TB-TLVA ngày 17 tháng 6 năm 2024, đơn khởi kiện và các tài liệu do chị N nộp; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T. Anh T đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N.

Qua xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của chị N và anh T: Đại diện Ủy ban nhân dân xã T và đại diện cơ sở xóm cho biết: anh Đinh Quang T, sinh năm 1987 có hộ khẩu thường trú tại xóm A Đ, xã T, huyện N. Anh T và chị Trần Thúy N, sinh năm 1993 có đăng ký kết hôn ngày 26-5-2015 tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình chung sống anh T và chị N mâu thuẫn như thế nào, nguyên nhân từ đâu địa phương không nắm rõ do các đương sự không thông qua hòa giải tại cơ sở. Vợ chồng anh T và chị N có 01 con chung là cháu Đinh Bảo A. Chị N đã về nhà bố mẹ

để đẻ sinh sống. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà Vũ Thị N1 trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Đinh Quang T, và có cùng địa chỉ là: xóm A Đ, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định; Hiện nay anh T đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương nhưng vẫn liên lạc với gia đình. Quá trình giải quyết, khi Tòa án gửi các văn bản về cho con trai tôi, tôi cam kết nhận các văn bản của Tòa án và sẽ thông báo nội dung của các văn bản của Tòa án cho con trai tôi là Đinh Quang T biết. Anh T và chị N có một con chung là Đinh Bảo A, sinh ngày 10/9/2015, hiện nay cháu Bảo A đang ở cùng vợ chồng bà. Nay chị Trần Thúy N đề nghị ly hôn với anh T, chị N đề nghị được nuôi cháu Bảo A bà nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Vì lý do công việc bận nên chị N có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thúy N và anh Đinh Quang T;

Về con chung: Giao con chung là Đinh Bảo A, sinh ngày 10/9/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị N. Hai bên có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị N xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc chị Trần Thúy N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thúy N có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Đinh Quang T là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N, anh T, bà N1 là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thúy N và anh Đinh Quang T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 26-5-2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hòa thuận hạnh phúc do tính tình không hợp và thường bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con. Ngoài ra anh T còn có tình cảm với người khác nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Anh T đã về quê Đ, xã T, huyện N để ở. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2017. Từ đó vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm gì đến nhau. Nay chị N xác định không còn tình cảm với anh T nên chị làm đơn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đinh Quang T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T và qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T là có thật, việc mâu thuẫn xuất phát từ việc do tính tình và quan điểm sống không hợp, anh T còn có tình cảm với người khác nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau từ tháng 7/2017. Trong thời gian sống ly thân, hai bên không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Chị N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa chị và anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã biết việc chị N xin ly hôn nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản ý kiến của mình cho Tòa án, chứng tỏ bản thân anh T cũng không còn nguyện vọng mong muốn tiếp tục chung sống với chị N. Từ những phân tích trên, cần chấp nhận

nguyện vọng xin ly hôn của chị N đối với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là Đinh Bảo A, sinh ngày 10/9/2015. Hiện nay con chung đang ở cùng ông bà nội (bố mẹ đẻ anh T). Khi ly hôn chị N đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét điều kiện hoàn cảnh hiện nay và nguyện vọng của hai bên thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung đang ở cùng với bố mẹ đẻ anh T nuôi dưỡng, chăm sóc. Tuy nhiên, anh T đi làm xa nhà không thường xuyên chăm sóc con chung. Nay ly hôn, chị N đề nghị được nuôi con chung và theo nguyện vọng của cháu Đinh Bảo A có ý kiến muốn được ở cùng với mẹ là chị Trần Thúy N. Hiện nay chị N đang công tác tại cơ sở lớp mẫu giáo độc lập Mặt trời Xanh, địa chỉ 122 tổ E khu N, C, C, Quảng Ninh có mức thu nhập hàng tháng là 8.000.000đ/tháng. Bà Vũ Thị N1 (mẹ đẻ anh T) cũng nhất trí để chị N được nuôi cháu Đinh Bảo A. Vì vậy, cần giao con chung Đinh Bảo A, sinh ngày 10/9/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N (do chị N không yêu cầu) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thúy N và anh Đinh Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung Đinh Bảo A, sinh ngày 10/9/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Hiện nay con chung đang ở cùng bố mẹ đẻ anh T là ông Đinh Viết C và bà Vũ Thị

N1. Ông C và bà N1 có trách nhiệm bàn giao cháu Đình Bảo A cho chị Trần Thúy N chăm sóc nuôi dưỡng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Trần Thúy N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai số 0005086 ngày 17-6-2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã Tân Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn H Nguyễn Thị Y

